

**DỰ KIẾN NGUỒN THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG NĂM 2018 CÒN DƯ ĐỂ
THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH AN SINH XÃ HỘI DO TRUNG ƯƠNG BAN
HÀNH NĂM 2018**

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Kinh phí
1	2	3
A	NHU CẦU VÀ NGUỒN THỰC HIỆN CCTL NĂM 2018	
I	NGUỒN THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG NĂM 2018	
1	50% tăng thu NSDP (không kể thu tiền sử dụng đất, xổ số kiến thiết) thực hiện 2017 so dự toán Thủ tướng Chính phủ giao năm 2017	
2	50% tăng thu NSDP (không kể thu tiền sử dụng đất, xổ số kiến thiết) dự toán 2018 so dự toán 2017 Thủ tướng Chính phủ giao	
3	Số tiết kiệm 10% chi thường xuyên dự toán năm 2017	
4	Số tiết kiệm 10% chi thường xuyên dự toán tăng thêm năm 2018	
5	Số thu được huy động từ nguồn để lại đơn vị năm 2018:	
6	Nguồn tiết kiệm chi gắn với thực hiện các giải pháp sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, đổi mới hoạt động đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị quyết số 18, 19 (nếu có)	
7	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2017 chưa sử dụng hết chuyển sang 2018	
II	TỔNG NHU CẦU NĂM 2018	
1	Tổng nhu cầu kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 47/2017/NĐ-CP và Nghị định số 76/2017/NĐ-CP tính đủ 12 tháng	
2	Tổng nhu cầu kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương 1,39 triệu đồng/tháng	
a	Quỹ tiền lương, phụ cấp tăng thêm đối với cán bộ công chức khu vực hành chính, sự nghiệp	
b	Quỹ lương, phụ cấp tăng thêm đối với cán bộ chuyên trách và công chức cấp xã	
c	Hoạt động phí tăng thêm đối với đại biểu hội đồng nhân dân các cấp	
d	Quỹ trợ cấp tăng thêm đối với cán bộ xã nghỉ việc hưởng trợ cấp hàng tháng theo ND 76/2017/NĐ-CP	

e	Kinh phí tăng thêm để thực hiện chế độ đối với cán bộ không chuyên trách cấp xã, thôn và tổ dân phố	
f	Kinh phí tăng thêm để thực hiện phụ cấp trách nhiệm đối với cấp ủy viên các cấp theo QĐ số 169-QĐ/TW ngày 24/6/2008	
g	Kinh phí tăng thêm thực hiện chế độ bồi dưỡng phục vụ hoạt động cấp ủy thuộc cấp tỉnh theo Quy định số 09-QĐ/VPTW	
3	Nhu cầu thực hiện một số loại phụ cấp, trợ cấp theo quy định:	
a	Kinh phí tăng, giảm do điều chỉnh địa bàn vùng KTXH ĐBKK năm 2017 theo Quyết định số 131/QĐ-TTg và Quyết định số 582/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ tính đủ 12 tháng	
b	Nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế năm 2018 theo ND số 108/2014/ND-CP ngày 20/11/2014 (Đối tượng đã được Bộ Nội vụ thẩm định)	
c	Nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách nghỉ hưu trước tuổi năm 2018 theo ND số 26/2015/ND-CP ngày 09/3/2015	
III CHÊNH LỆCH NHU CẦU VÀ NGUỒN THỰC HIỆN CCTL 2018		
1	Phần thiếu nguồn ngân sách trung ương hỗ trợ	
2	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương còn dư	
B	NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH AN SINH XÃ HỘI NĂM 2018 TĂNG THÊM SO VỚI SỐ BỐ TRÍ CÂN ĐỐI NSDP NĂM 2018	
C	PHẦN NSTW HỖ TRỢ TỐI ĐA THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH AN SINH XÃ HỘI TĂNG THÊM SO VỚI SỐ BỐ TRÍ CÂN ĐỐI NSDP NĂM 2018 (1)	
D	NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN CCTL NĂM 2018 CÒN DƯ ĐỂ CHI TRẢ THAY PHẦN NSTW HỖ TRỢ THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH AN SINH XÃ HỘI (2)	
E	NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN CCTL NĂM 2018 CÒN DƯ SAU KHI ĐẢM BẢO CÁC CHÍNH SÁCH AN SINH XÃ HỘI (III.2-C)	

Ghi chú:

(1) $C=B \times \text{tỷ lệ (\%)} \text{ NSTW hỗ trợ tại khoản 1 Điều 1 Quyết định số 579/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ.}$

(2) $\text{Bảng C trường hợp III.2}>\text{C; bảng III.2 trường hợp III.2}<\text{C}$

... .., ngày tháng năm 2018
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ....
CHỦ TỊCH

Nguồn: Thông tư 54/2018/TT-BTC